TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2020/DS-ST
Ngày 08/ 6/ 2020
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng giao khoán việc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim D.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị H .

2. Ông Lục Văn V.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Thế Tr– Là thư ký của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị H – Kiểm sát viên.

Ngày 05/6/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLST-DS ngày 23/12/2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng giao khoán việc" Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/QĐST-DS ngày 22/4/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST – DS ngày 15/5/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phùng Viết Ch
Địa chỉ: Thôn 4, xã Th, huyện M, thành phố H. (Có mặt)
2.Bị đơn: Công ty TNHH T.
Địa chỉ: Số nhà 348, đường Nh, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn Kh – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông Phùng Viết Ch làm đội trưởng đội thi công công trình, ông

không có đăng ký kinh doanh ngành nghề xây dựng, mục đích ông Chiến xây dựng công trình là để phục vụ cho cuộc sống của gia đình không có mục đích lợi nhuận. Ngày 30/5/2010 ông Chiến và Công ty TNHH T có Hợp đồng giao khoán công trình Trường học xã Sơn Hải, Bảo Thắng, Lào Cai với giá trị công trình theo biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành ngày 25/8/2012, giá trị thanh toán bằng 80% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận là 2.354.393.000đ. Công ty giữ lại số tiền bảo hành công trình theo hợp đồng 5% giá trị hoàn thành là 2.354.393.000đ x 5% = 117.720.000đ. Tính đến ngày 16/11/2018 ông Chiến đã ứng của Công ty số tiền là 2.170.400.000đ *(Hai tỷ một trăm bẩy mươi triệu bốn trăm ngàn đồng).*

Theo hợp đồng thuê khoán công trình hai bên thỏa thuận: Bên A giao khoán cho bên B thi công toàn bộ phần xây dựng cơ sở vật chất, trường học của công trình tiểu học Sơn Hà, Bảo Thắng, Lào Cai ; Đơn giá: Bằng giá trị của hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình trừ đi 20% giá trị trả lại cho bên A, vì khi ký hợp đồng ông Chiến và ông Khâm- giám đốc công ty đã thỏa thuận trong 20% giá trị trả lại cho Công ty, trong đó có 10% GTGT và 10% chi phí khác của công ty. Trong quá trình làm hợp đồng ông Chiến đã ghi bằng bút bi thêm dòng chữ: " Có 10% VAT" vào bên cạnh điều khoản về đơn giá của hợp đồng, đã thông báo cho Công ty TNHH T.

Theo hợp đồng giá trị thanh toán bằng 80% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận là 2.354.393.000đ, ông Chiến xác định, trong đó phần vật tư là 1.177.476.326đ và tiền nhân công 1.176.916.674đ ông Chiến đã cung cấp 40 giấy chứng minh nhân dân của công nhân cho công ty Toàn Thắng để Công ty báo cáo với thuế để giải trình tiền thuế nhân công của Công trình trên(khoản tiền thuế nhân công này không nằm trong thuế GTGT), vì vậy ông Chiến không phải chịu tiền thuế GTGT đối với khoản thiền nhân công; còn đối với khoản tiền chi phí đầu vào công ty tính là 1.177.476.326đ, thuế GTGT là 117.747.632đ ông đồng ý và ông Chiến đã nộp được 620.438.772đ tiền thuế GTGT, còn hóa đơn thông thường là 557.037.543đ (vì có những vật liệu không cung cấp hóa đơn GTGT được).

Vì vậy, ông Chiến yêu cầu Công ty TNHH T phải có trách nhiệm trả cho ông Phùng Viết Chsố tiền là 183.993.000đ*(Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín ba nghìn đồng).*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho Công ty TNHH T đầy đủ, đảm bảo theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện theo pháp luật không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án và có gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Viết Chnhư sau:

Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.Với lý do, căn cứ vào hợp đồng giao khoán công trình ngày 30/5/2010 giữa công ty và ông Chiến ký kết, tại Điều 3 của Hợp đồng quy định bên B phải: " *Cung cấp đầy đủ hóa đơn*

GTGT theo hồ sơ thiết kế cho bên A theo từng giai đoạn nghiệm thu chuyển bước thi công. Nếu hết phần nghiệm thu công trình mà không đáp ứng đầy đủ hóa đơn thì bêb A chủ động mua hóa đơn đầu vào mọi phí tổn do bê B chi trả; Cung cấp đầy đủ hóa đơn nhân công cho bên A để bên A hoạch toán theo đúng hồ sơ thiết kế hoặc cung cấp hồ sơ nhân công đầy đủ cho bên A và nộp thuế theo đúng luật thuế quy định…"

Theo biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành ngày 25/8/2012, giá trị thanh toán bằng 80% giá trị hợp đồng theo thỏa thuận là 2.354.393.000đ. Công ty giữ lại số tiền bảo hành công trình theo hợp đồng 5% giá trị hoàn thành là 2.354.393.000đ x 5% = 117.720.000đ. Tính đến ngày 16/11/2018 Công ty đã ứng số tiền là 2.170.400.000đ *(Hai tỷ một trăm bẩy mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)* như ông Chiến trình bày là đúng.

Theo giá trị khối lượng công việc ông Chiến đã hoàn thành là: 2.345.393.000đ *(Hai tỷ ba trăm bốn mươi năm triệu ba trăm chín ba nghìn đồng),* trong đó doanh thu là: 2.140.357.273 đồng và tiền thuế giá trị gia tăng 10% ông Chiến phải nộp là 214.035.727 đồng. Tuy nhiên, đến nay chi phí đầu vào ông Chiến chỉ cung cấp được cho Công ty các hóa đơn tài chính với giá trị đầu vào là 1.177.476.326 đồng, trong đó thuế GTGT ông Chiến đã nộp được là 62.438.772 đồng). Như vậy, hai bên hiện còn vướng mắc về tài chính và phần ông Chiến phải chịu cụ thể là:

Phần thuế GTGT do ông Chiến không cung cấp đầy đủ hóa đơn, công ty đã phải hoàn thiện và phải nộp thuế cho nhà nước là: 214.035.727đ - 62.438.772đ (số tiền hóa đơn GTGT ông chiến đã nộp) = 151.596.952đ.*(Một trăm năm mươi mốt triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm năm hai đồng).*

Phần thuế TNDN: Do ông Chiến không cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào theo hợp đồng dẫn đến phần lợi nhuận của Công ty đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho nhà nước là: 2.140.357.273đ -1.177.476.326đ = 962.880.947đ x 5% = 48.144.047đ *(bốn mươi tám triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bốn bẩy đồng)* do đó ông Chiến phải trả cho Công ty khoản tiền này.

Ngoài ra, ông Chiến cho rằng theo hợp đồng hai bên thỏa thuận. Đơn giá: Bằng giá trị của hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình trừ đi 20% giá trị trả lại cho bên A không liên quan gì đến việc khởi kiện của ông Chiến, vì giữa hai bên không tranh chấp giá trị của Hợp đồng thuê khoán công trình, nên việc ông Chiến cho rằng trong 20% giá trị công trình ông Chiến hoàn lại cho công ty, trong đó có 10% thuế GTGT và 10% chi phí khác là không đúng , số tiền 20% ông Chiến hoàn trả cho Công ty theo thỏa thuận là để chi phí hoạt động đấu thầu của công ty. Vì vậy, Công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hợp đồng để xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, đảm bảo việc giải quyết vụ án dân sự kịp thời, đúng pháp luật, thu thập chứng cứ đúng theo qui định pháp luật. Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ vào Điều 275, 280, khoản 1 Điều 351, Điều 410 của Bộ luật Dân sự năm 2015;Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào những chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp, lời khai, bản ý kiến của bị đơn xác định tranh chấp giữa ông Phùng Viết Chvà Công ty TNHH T là tranh chấp đòi nợ tiền xuất phát từ hợp đồng giao khoán việc thi công công trình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng giao kết 30/5/2010, nghiệm thu công trình hoàn thành ngày 25/8/2012,đến ngày 16/11/2018 hai bên đã chốt công nợ Công ty TNHH Toàn đã ứng cho ông Chiến số tiền là 2.170.400.000đ

Qúa trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T không có mặt, Ông Phạm Văn Khâm vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 – Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét đơn khởi kiện của ông Phùng Viết Chnhận thấy:

- Đối với số tiền ông Phùng Viết Chđòi tiền Công ty TNHH T chưa thanh toán cho ông là 183.993.000đ bao gồm tiền bảo hành công trình là 2.354.393.000đ – 2.170.400.000đ là có căn cứ vì trong hợp đồng hai bên đã thỏa thuận. Công ty giữ lại số tiền bảo hành công trình theo hợp đồng 5% giá trị hoàn thành là 2.354.393.000đ x 5% = 117.720.000đ *(một trăm mười bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng)*

- Theo giá trị khối lượng công việc ông Chiến đã hoàn thành là: 2.345.393.000đ*(Hai tỷ ba trăm năm mươi tư triệu ba trăm chín mươi ba ngàn đồng*), trong đó doanh thu là: 2.140.357.273đ (*Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm bảy ba đồng)*. Như vậy tiền thuế giá trị gia tăng 10% ông Chiến phải nộp là 214.035.727 đồng . Ông Phùng Viết Chđã thừa nhận đã nộp đủ 62.438.772đ (số tiền hóa đơn GTGT ông chiến đã nộp), phần hóa đơn còn lại ông Phùng Viết Chkhông cung cấp được. Như vậy phần thuế GTGT do ông Chiến không cung cấp đầy đủ hóa đơn, công ty đã phải hoàn thiện và phải nộp thuế cho nhà nước là: 214.035.727đ - 62.438.772đ (số tiền hóa đơn GTGT ông chiến đã nộp) = 151.596.952đ.*(Một trăm năm mươi mốt triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm năm hai đồng).* Tại Hợp đồng giao việc ngày 30/5/2010 hai bên xác định đơn giá " Bằng giá trị hồ sơ thi công và nghiệm thu công trình trừ đi 20% giá trị trả lại cho bên A". Như vậy ông Phùng Viết Chkhông được tính trong 20% giá trị trả lại trong đó có 10% VAT vì tại lời khai của ông Chiến cũng xác định chữ viết thêm trong Hợp đồng 10%VAC là do ông tự viết và ông không có căn cứ gì chứng minh việc viết thêm vào Hợp đồng là đã thông báo và thỏa thuận lại với Công ty TNHH T.

Tại Hợp đồng giao khoán việc hai bên cũng đã thỏa thuận.

" Bên B: Cung cấp đầy đủ hóa đơn VAT theo hồ sơ thiết kế cho bên A theo từng giai đoạn nghiệm thu chuyển bước thi công. Nếu hết phần nghiệm thu công trình mà không đáp ứng đủ hóa đơn thì bên A sẽ chủ động mua hóa đơn đầu vào mọi phí tổn do bên B chi trả.

Cung cấp đầy đủ hóa đơn nhân công cho bên A để hạch toán theo đúng hồ sơ thiết kế hoặc cung cấp hồ sơ nhân công đầy đủ cho bên A và nộp thuế theo đúng luật thuế quy định."

Như vậy việc ông Chiến ghi thêm 10% VAT vào đơn giá trong Hợp đồng giao khoán là không có giá trị pháp lý và ông Chiến phải chịu phần thuế GTGT không nộp đủ hóa đơn VAT cho Công ty TNHH là có căn cứ.

- Đối với số tiền thu nhập Doanh nghiệp 48.144.047đ: Công ty TNHH T xác định do ông Chiến không cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào theo hợp đồng dẫn đến phần lợi nhuận của Công ty đã phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệpcho nhà nước là: (2.140.357.273đ - 1.177.476.326đ = 962.880.947đ x 5% = 48.144.047đ*(bốn mươi tám triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm bốn bẩy đồng).* Đối với khoản tiền này do Công ty TNHH T thuê khoán ông Chiến, ông chiến không nộp đủ hóa đơn đã phải chịu phần hóa đơn không nộp đủ và quá trình giải quyết vụ án Công tu TNHH Toàn Thắng không cung cấp được hóa đơn thu nhập Doanh nghiệp. Vì vậy việc Công ty TNHH T yêu cầu ông Chiến nộp số tiền 48.144.047đ không có căn cứ.

Đối với vật liệu không cung cấp được hóa đơn theo quy định tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư 219/2013 ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/2013/ NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính

phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng quy định: Xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp :

Số thuế GTGT phải nộp = Số thuế GTGT đầu vào – Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ.

Như vậy ông Phùng Viết Chmua hàng hóa theo phương thức trực tiếp do đó không có thuế GTGT trên hóa đơn (Hóa đơn thông thường) nên không được khấu trừ đầu vào, Công ty TNHH T đã bỏ tiền mua toàn bộ hóa đơn còn thiếu để hoàn tất thuế, như vậy Công ty TNHH T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với công trình Trường học xã Sơn Hải, Bảo Thắng, Lào Cai.

Tại Hợp đồng hai bên đã thỏa thuận " bên A sẽ chủ động mua hóa đơn đầu vào mọi phí tổn do bên B chi trả" sự thỏa thuận mua hóa đơn của hai bên là vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn trong lĩnh vực thuế quy định thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ nhưng quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét về hiệu lực của Hợp đồng và việc làm sai quy định Công ty Toàn Thắng có trách nhiệm chịu trước Cơ quan thuế. Như vậy việc ông Phùng Viết Chkhông cung cấp đầy đủ các hóa đơn còn thiếu là thực hiện không đúng theo sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng và Công ty THHH Toàn Thắng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ Thuế đối với Nhà nước nên ông Chiến phải chịu tiền hóa đơn còn thiếu này và Công ty TNHH Toàn chỉ có nghĩa vụ thanh toán số tiền: 183.993.000đ *(Một trăm tám mươi ba triệu chín trăm chín ba nghìn đồng)* - 151.596.952đ.*(Một trăm năm mươi mốt triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm năm hai đồng)* = 32.396.048 đồng *(ba mươi hai triệu ba trăm chín sáu nghìn không trăm bốn mươi tám đồng).*

Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 21/4/2020 Công ty TNHH T có gửi bản ý kiến cùng chứng cứ kèm theo ký tên do ông Nguyễn Mạnh Hùng là phó giám đốc, Công ty TNHH T không có giấy ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Mạnh Hùng, vì vậy ý kiến của ông Nguyễn Mạnh Hùng không được coi là căn cứ tòa án xem xét quá trình giải quyết vụ án.

[3] Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Viết Ch được chấp nhận một phần nên ông Phùng Viết Ch phải chịu tiền án phí phần bị bác theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí phần buộc phải trả cho ông Phùng Viết Ch

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 275, 280, khoản 1 Điều 351, Điều 410 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Viết Chsố tiền 32.396.048 đồng *(ba mươi hai triệu ba trăm chín sáu nghìn không trăm bốn mươi tám đồng)*. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Viết Ch đối với số tiền 151.596.952đ.*(Một trăm năm mươi mốt triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn chín trăm năm hai đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phùng Viết Chphải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.579.848 đồng (*Bảy triệu năm trăm bảy chín nghìn tám trăm bốn tám đồng)*. Ông Chiến đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.599.825 đồng *(Bốn triệu năm trăm chín mươi chín nghìn tám trăm hai mươi năm đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006534 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L, tỉnh Lào Cai. Ông Phùng Viết Chcòn phải nộp số tiền án phí là 2.980.023 đồng *(Hai triệu chín trăm tám mươi nghìn không trăm hai mươi ba đồng)*. Công ty TNHH T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.619.802 đồng (*Một triệu sáu trăm mười chín nghìn tám trăm linh hai đồng)*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

"Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1);
- VKSND TP Lào Cai (2);
- Đương sự (2);

- THA DS (1);
- Lưu Văn phòng (1)
- Lưu HS (1).

Nguyễn Thị Kim Dung